

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Thắm E, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà P và bị đơn bà Thắm E xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2019, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 22/10/2019, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị P) trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 01/7/2017, bà P có cho và Trương Thị Thắm E vay số tiền 12.530.000 đồng. Ngày 12/10/2018, bà E viết giấy cam kết mỗi tháng sẽ trả cho bà P 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 15/11/2018 đến

khi trả hết nợ. Bà E có trả cho bà P được số tiền 3.000.000 đồng nhưng sau đó không tiếp tục thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận dù bà P đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, bà P khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà Trương Thị Thắm E phải thanh toán số tiền còn nợ là 9.530.000 đồng. Ngoài ra, bà P không có yêu cầu gì khác.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn gồm: Giấy cam kết trả nợ ngày 12/10/2018 (bản photo); bản tự khai của nguyên đơn.

Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì khác.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2019, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 02/10/2019, bị đơn (bà Trương Thị Thắm E) trình bày:

Bà E thừa nhận có nợ tiền của bà P số tiền 12.530.000 đồng và hai bên có thống nhất viết giấy cam kết trả nợ đề ngày 12/10/2018, bà E cam kết mỗi tháng sẽ trả cho bà P 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 15/11/2018 đến khi trả hết nợ. Giấy này do con của bà E viết và bà E có ký tên lẫn tay dưới chữ “người cam kết”. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà E có xin bà P trả dần hàng tháng là 500.000 đồng nhưng bà P không đồng ý nên bà E không thanh toán nợ được. Bà E không nhớ đã thanh toán cho bà P được số tiền bao nhiêu. Vì lý do công việc nên bà E xin giải quyết vắng mặt.

Ngoài ra, bị đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì thêm.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P, bị đơn bà E có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà P yêu cầu bị đơn bà E phải thanh toán số tiền còn nợ là 9.530.000 đồng. Bà E hiện đang cư trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà P yêu cầu bà Thẩm E thanh toán số tiền còn nợ là 9.530.000 đồng căn cứ vào giấy cam kết trả nợ đề ngày 12/10/2018. Bị đơn bà Thẩm E thừa nhận có nợ 12.530.000 đồng của bà P và có ký giấy cam kết trả nợ đề ngày 12/10/2018, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được nợ. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữa bà P và bà Thẩm E đã thiết lập quan hệ vay tài sản, bà P là bên cho vay, còn bà E là bên vay, số tiền vay là 12.530.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 15/11/2018 đến khi trả hết nợ. Bà P xác định bà E đã trả được số tiền 3.000.000 đồng tương ứng với 03 tháng; bà E không nhớ đã thanh toán được bao nhiêu và cũng không có chứng cứ chứng minh. Có cơ sở xác định bà E đã thanh toán được cho bà P số tiền 3.000.000 đồng theo sự thừa nhận của bà P. Bà E còn nợ của bà P số tiền 9.530.000 đồng. Bà P đã thông báo nhiều lần nhưng bà E vẫn không tiếp tục thực hiện việc trả nợ là bà E đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Yêu cầu của bà P về việc buộc bà E thanh toán số tiền 9.530.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn bà Trương Thị Thẩm E về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”.

Buộc bà Trương Thị Thẩm E có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 9.530.000 đồng (chín triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Thắm E phải chịu 476.500 đồng (bốn trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031752 ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Tuyền